

Bản án số: 18 /2019/ HNGĐ-ST
Ngày: 03- 4- 2019
Về việc: “tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà NGUYỄN THU THỦY

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà LÊ THỊ TÚ ANH
2. Ông NGUYỄN VĂN CƯỜNG

Thư ký phiên tòa: Bà ĐOÀN THỊ KIM YẾN - Thư ký tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L tham gia phiên toà:(không tham gia).

Ngày 03 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:394/2018/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 12 năm 2018, về việc “xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2019/QĐXX-ST.HNGĐ, ngày 13 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Phạm Thị Mỹ L, sinh năm 1990 (có mặt)

*Địa chỉ cư trú tại nhà số 76A ấp Mỹ T, xã Tân H thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L;
Nơi thường xuyên sinh sống tại nhà số 149B ấp Tân B, xã Tân H, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.*

2. Bị đơn: Lê Vinh Q, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú tại nhà số 76A ấp Mỹ T, xã Tân H thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11/10/2018, bà L yêu cầu giải quyết ly hôn, con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ tài sản.

Bà L khai rằng, bà L và ông Q có quen biết và tìm hiểu nhau rồi tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân H thành phố Vĩnh L vào ngày 26/11/2008. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017, do tính tình ông Q ghen tuông nên phát sinh mâu thuẫn, từ tháng 5 năm 2018 gia đình chồng đuổi bà L nên đã trở về chung sống bên cha mẹ ruột cho đến nay. Mâu thuẫn này cả hai bên gia đình cha mẹ đều biết và hòa giải nhưng không hàn gắn tình cảm được, nay bà L yêu cầu được ly hôn với ông Q.

Vợ chồng bà L có được hai con chung, họ tên Lê Thị Yến T sinh ngày 20/8/2008 và Lê Quang Tuấn A sinh ngày 31/01/2013, hiện tại bà L đang trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi hai con chung. Bà L làm công nhân cho cơ sở tư

nhân bánh canh, có mức lương tháng là 5.000.000 đồng và đang cùng hai con chung thường xuyên sinh sống tại nhà cha mẹ ruột. Ông Q hiện tại làm nghề bảo vệ, không biết lương hưởng bao nhiêu. Từ khi ly thân cho đến nay, không có liên lạc với nhau. Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ tài sản.

- Ông Q đã được tổng đạt các văn bản tố tụng, nhận hợp lệ ngày 19/12/2018 và ngày 09/01/2019 và ngày 29/01/2019 bao gồm: Thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 08/01/2019, ngày 25/01/2019 và ngày 20/02/2019 và đã nhận thông báo kết quả công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Q vắng mặt, không lý do và không có ý kiến phản hồi việc khởi kiện của bà L.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên lời khai tại biên bản hòa giải, không có tài liệu chứng cứ gì mới để xuất trình.

Bà L cho biết, vợ chồng đã có mâu thuẫn nhiều năm do ông Q có tình cảm với phụ nữ khác nên thường kiếm chuyện gây gổ. Sau này, tình tính thay đổi ghen ngược và gây mâu thuẫn vợ chồng. Từ đó, vợ chồng ly thân từ tháng 5 năm 2018 cho đến nay không có liên lạc và không còn quan tâm với nhau, đã chấm dứt tình cảm. Nay yêu cầu được ly hôn với ông Q. Bà L đang trực tiếp nuôi hai con chung, vì vợ chồng tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu ông Q cấp dưỡng, nuôi dưỡng. Tài sản và nợ tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt ông Q, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng vào ngày 07/3/2019 và ngày 15/3/2019 triệu tập ông Q tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất vào ngày 13/3/2019 và phiên tòa lần hai vào ngày 03/4/2019 nhưng ông Q vắng mặt, không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ pháp luật được xác định là ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại địa phận thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

- Ông Q đã được tổng đạt các văn bản tố tụng phiên tòa sơ thẩm nhưng ông Q vắng mặt, không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa sơ thẩm theo luật định.

[2]. Về nội dung: Theo giấy chứng nhận kết hôn thì bà L và ông Q đều đủ tuổi và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân H thành phố Vĩnh L là đã tuân thủ điều kiện kết hôn, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015, được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ ngày đăng ký kết hôn 26/11/2008.

Xét nguyên nhân ly hôn là do đôi bên đã ly thân, không còn chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng phát triển kinh tế gia đình, cùng trách nhiệm chăm sóc giáo dục con chung. Như vậy, cho thấy các bên đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đối với ông Q, đã được Tòa án đã tổng đạt để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản phản hồi thông báo thụ lý vụ án nên ông phải chịu mọi hậu quả do không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong

hồ sơ vụ việc”. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, yêu cầu ly hôn của bà Lê là có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về con chung, bà L trực tiếp nuôi con từ khi ly thân cho đến nay và có nghề nghiệp thu nhập lương ổn định nên bà L được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung là hợp lý và phù hợp với nguyện vọng của các con. Bà L tự nguyện không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi hai con là không trái với luật quy định tại Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, ghi nhận sự tự nguyện này của bà L. Ông Q được quyền tới thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản.

[4]. Về tài sản chung và nợ tài sản: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 146 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Nguyên đơn phải chịu tiền án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn. Vì vậy, bà L phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp, theo biên lai số N⁰ 0004134 ngày 26/11/2018 của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh L; Bà Lê đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; Ông Q không phải chịu tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và sơ thẩm dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị Mỹ L.

1. Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Mỹ L được ly hôn với ông Lê Vinh Q.

2. Về con chung: Bà Phạm Thị Mỹ L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung Lê Thị Yến T, sinh ngày 20/8/2008 và Lê Quang Tuấn A, sinh ngày 31/01/2013.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị Mỹ L, không yêu cầu ông Lê Vinh Q cấp dưỡng nuôi hai con chung. Ông Q được quyền tới thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ tài sản: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 146 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

- Bà Phạm Thị Mỹ L phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp, theo biên lai số N⁰ 0004134 ngày 26/11/2018 của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh L; Bà Phạm Thị Mỹ L đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Ông Lê Vinh Q không phải chịu tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và sơ thẩm dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, đối với đương sự có mặt được kể từ

ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt, được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan thi hành án cùng cấp;
- UBND xã, phường
- Lưu hồ sơ tại Tòa án

NGUYỄN THU THỦY